

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-11
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	12
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	13
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	14-49
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15-16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18-19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	20-21
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	22-49

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt Báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 317/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2023. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 9 năm 2024.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Đỗ Thị Thu Trang	Chủ tịch Ban đại diện (Bổ nhiệm ngày 07 tháng 05 năm 2026)
Ông: Cedric Pierre Tinguely	Thành viên Ban đại diện
Ông: Nguyễn Cảnh Dương	Thành viên Ban đại diện

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư
Bà: Bùi Thị Trang Nhung	Giám đốc Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 17 tháng 06 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 về việc sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Đỗ Thị Thu Trang

Chủ tịch Ban đại diện

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship ("Quỹ") là tối ưu mức sinh lời trong dài hạn thông qua việc đầu tư linh hoạt và hiệu quả vào các công ty có mô hình kinh doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao, cũng như các loại tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ tăng 4,23% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ ("CCQ") của Quỹ tăng 3,94% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

- Quỹ xây dựng mục tiêu lợi nhuận cao thông qua việc đầu tư vào các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh, đang trong giai đoạn chuyển mình và các cơ hội thoái vốn của các doanh nghiệp Nhà nước;
- Quỹ tập trung vào các doanh nghiệp với doanh thu cao hoặc có tăng trưởng lợi nhuận tối thiểu 15% so với kỳ trước;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục theo định hướng của các ngành được hưởng lợi từ sự chuyển dịch của kinh tế vĩ mô và các chính sách, định hướng của nhà nước;
- Quỹ đầu vào công ty có hoạt động kinh doanh bền vững, định giá hấp dẫn và tỷ lệ cổ tức cao;
- Quỹ cũng định hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng các báo cáo phân tích cơ bản được cập nhật thường xuyên về doanh nghiệp trong danh mục cũng như các hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư;
- Quỹ sử dụng chiến lược phân bổ tài sản chủ động hợp lý theo từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa cơ hội tăng trưởng và giảm thiểu rủi ro.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường. Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào nhưng không giới hạn ở những ngành nghề sau với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------|
| - Tài chính - Ngân hàng; | - Hàng tiêu dùng; |
| - Thực phẩm - Nước giải khát; | - Bảo hiểm; |
| - Vật liệu - Khai khoáng; | - Hàng hóa công nghiệp; |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản; | - Dược phẩm; |
| - Tiện ích công cộng; | - Vận tải; |
| - Năng lượng; | - Dịch vụ; |
| - Bán lẻ; | - Dệt may - Thiết bị phụ tùng. |

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

- Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó cổ phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định pháp luật; Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - + Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - + Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - + Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được thành lập ngày 14 tháng 02 năm 2023 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 315.637.118.000 VND, tương đương với 31.563.711,8 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là 520.022.802.483 VND.

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	<u>30/06/2026</u>	<u>30/06/2025</u>	<u>30/06/2024</u>
	<u>%</u>	<u>%</u>	<u>%</u>
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	15,94%	35,14%	21,21%
2. Danh mục cổ phiếu	66,94%	64,86%	72,68%
3. Danh mục trái phiếu	0,97%	0,00%	0,00%
4. Tài sản khác	16,15%	0,00%	6,11%
	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<u>ĐVT</u>	<u>Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	520.022.802.483	228.204.383.851	172.756.315.189
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	31.563.711,80	16.104.664,98	14.155.570,29
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ	VND	16.475	14.170	12.204
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	16.551	14.170	12.591
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	15.493	11.299	10.740
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	%	3,94%	11,15%	13,63%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)		(0,57%)	(0,44%)	8,97%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)		4,52%	11,58%	4,66%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	2,06%	2,36%	2,43%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	28,61%	43,98%	27,01%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

<u>Giai đoạn</u>	<u>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</u>	<u>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</u>
	%	%
1 năm đến thời điểm báo cáo	16,27%	16,27%
3 năm đến thời điểm báo cáo	53,18%	15,28%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	64,75%	15,94%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

<u>Thời kỳ</u>	<u>Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>
Tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ (%)/1 đơn vị CCQ	3,94%	11,15%	13,63%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô**

GDP quý II tăng khoảng 8,39% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7,94% của quý I/2026 và cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, CPI bình quân tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến cuối tháng 6 năm 2026, FDI đăng ký đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61,0% so với cùng kỳ năm 2025, FDI giải ngân tăng 11,2% lên 13,03 tỷ USD.

Giá trị giải ngân mới vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt khoảng 320.000 tỷ đồng, hoàn thành khoảng 30% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm.

PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 6/2026 giảm nhẹ xuống 51,8 điểm từ mức 52,8 điểm của tháng 5/2026.

Dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tính đến cuối tháng 6/2026 tăng trưởng khoảng 9,9% so với cuối năm trước, cho thấy tín dụng tiếp tục được mở rộng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2026 nhập siêu khoảng 15,4 tỷ USD.

3.2 Tình hình thị trường chứng khoán

VNINDEX kết thúc tháng 06/2026 ở mức 1,860.01 điểm, tăng 4.23% so với đầu năm. Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhịp điều chỉnh mạnh trong tháng 03/2026 khi chiến tranh Mỹ - Iran nổ ra, tuy nhiên sau đó đã nhanh chóng hồi phục khi 2 nước dần đạt được các thỏa thuận ngừng bắn.

Tuy VNINDEX kết thúc nửa đầu năm 2026 tăng điểm, diễn biến trên thị trường vẫn rất phân hóa với nhóm cổ phiếu Vin Group đóng góp hoàn toàn vào mức tăng điểm của thị trường (nếu loại bỏ ảnh hưởng của nhóm này, VNINDEX thực tế giảm điểm trong nửa đầu năm 2026).

Hiện tại, thanh khoản và độ rộng thị trường vẫn đang ở mức thấp với thanh khoản liên tục suy giảm. Cùng với đó, nhà đầu tư nước ngoài cũng tiếp tục duy trì đà bán ròng mạnh với giá trị bán ròng lũy kế trong năm 2026 đã lên tới 79,800 tỷ đồng.

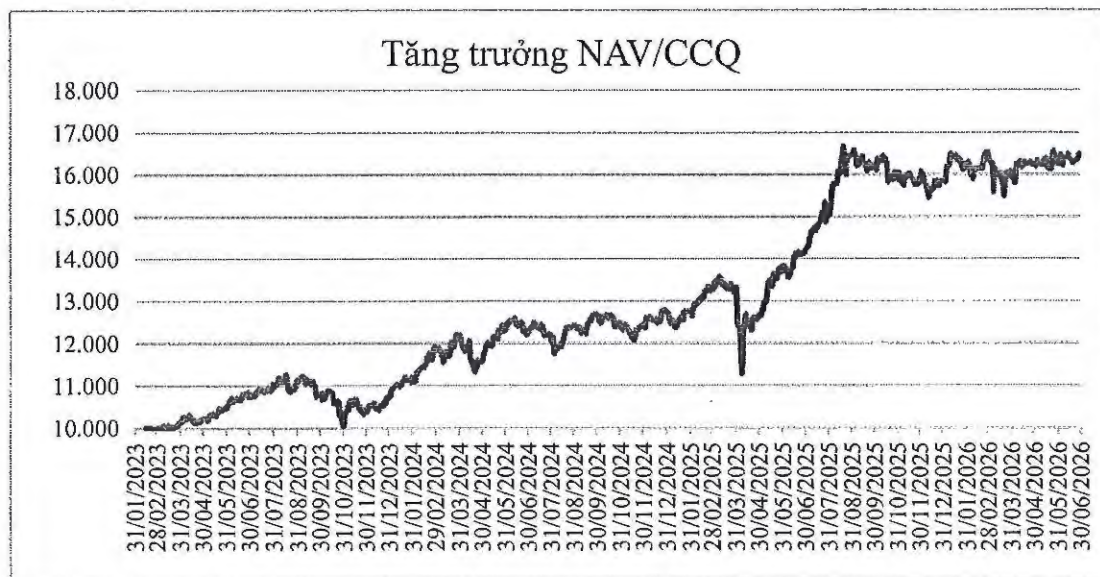
4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo
	%	%	%
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	10,94%	41,68%	49,10%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	5,33%	11,50%	15,65%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	16,27%	53,18%	64,75%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	16,27%	15,28%	15,94%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập đến ngày 30/06/2026 như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/06/2026	30/06/2025	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	520.022.802.483	228.204.383.851	127,88%
Giá trị tài sản ròng/ 1 đơn vị CCQ	16.475	14.170	16,27%

4.2 . Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	15.199	4.404.816,73	13,96%
Từ 5.000 đến 10.000	271	1.888.792,29	5,98%
Từ trên 10.000 đến 50.000	228	4.708.467,54	14,92%
Từ trên 50.000 đến 500.000	66	8.073.154,29	25,58%
Trên 500.000	5	12.488.480,95	39,57%
	15.769	31.563.711,80	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong ngắn hạn, luồng thông tin trên thị trường vẫn không thực sự hỗ trợ. Cụ thể, mặt bằng lãi suất dự kiến tiếp tục duy trì ở mức cao và chưa thể giảm ngay trong Q3/2026. Chiến tranh Mỹ - Iran vẫn diễn biến rất khó lường bất chấp thỏa thuận ngừng bắn 60 ngày mà hai bên đã đạt được vào tháng 6/2026. Cùng với đó, thông tin từ các chính sách thuế quan của Mỹ (vốn được dự báo sẽ không tích cực với Việt Nam) sẽ bắt đầu được công bố và nhiều khả năng sẽ có tác động lớn lên thị trường trong nửa sau của năm 2026.

Trước các rủi ro trong ngắn hạn trên, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự phản ánh và hầu hết các nhóm cổ phiếu đã giảm về vùng định giá thuộc loại rẻ trong lịch sử. Trong khi đó, triển vọng tăng trưởng dài hạn của kinh tế Việt Nam vẫn hết sức khả quan. Theo đó, Quỹ đánh giá vùng giá hiện tại là hấp dẫn để tích lũy cổ phiếu trong dài hạn và các nhịp rung lắc nếu có trong nửa sau của năm 2026 sẽ là cơ hội để đẩy mạnh hoạt động giải ngân, tập trung vào các cổ phiếu có hoạt động kinh doanh bền vững và có định giá hợp lý.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Bạch Thế Phong
Giám đốc Đầu tư

Ông Bạch Thế Phong có gần 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

Bà Bùi Thị Traug Nhung
Giám đốc Đầu tư

Bà Bùi Thị Traug Nhung có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ban Đại diện Quỹ

Bà Đỗ Thị Thu Trang
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Bà Đỗ Thị Thu Trang tốt nghiệp Cử nhân Luật học và Thạc sỹ Luật kinh tế tại Đại học Luật Hà Nội. Bà Trang từng đảm nhiệm công việc tư vấn pháp lý nội bộ; tư vấn về hoạt động đầu tư, giao dịch trên thị trường vốn; quản lý hoạt động pháp chế và tuân thủ tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty TNHH Tư vấn TekLaw, Công ty TNHH Tài chính MB Shinsei.

Ông Cedric Pierre Tinguely
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Ông Cedric Pierre Tinguely có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng tài chính và đầu tư. Ông Cedric làm việc tại Ngân hàng Paribas (Thụy Sĩ) trong thời gian từ 1994 - 2001 và gia nhập Bordier & Cie (Thụy Sĩ) kể từ 2001. Năm 2011, Ông Cedric được bổ nhiệm làm Giám đốc giao dịch và quản lý tài sản tại Bordier & Cie (Singapore) và hiện tại đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành, phụ trách Quản lý danh mục đầu tư cấp cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Ông Nguyễn Cảnh Dương
Thành viên Ban Đại diện
Quỹ

Ông Nguyễn Cảnh Dương tốt nghiệp Cử nhân kế toán tại Đại học Kinh tế Quốc Dân. Ông Dương là đồng sáng lập của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn DCPA, đã trải qua hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, trong đó có 5 năm công tác tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Ông Dương phụ trách nhiều khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp nhà nước và các dự án phi chính phủ, đồng thời tham gia cung cấp dịch vụ kế toán và tư vấn quản trị với tư cách trưởng nhóm có nhiều tập đoàn đa quốc gia.



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ đầu tư tăng trưởng Bordier - MB Flagship cho kỳ tài chính bán niên năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Với sự hiểu biết của chúng tôi trong kỳ tài chính Quỹ đầu tư tăng trưởng Bordier - MB Flagship đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũ Minh Hồng

Số: 300726.012 /BCTC.KT7

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban Đại diện
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được lập 29 tháng 07 năm 2026, từ trang 14 đến trang 49, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026; Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, 30 tháng 07 năm 2026

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

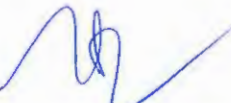


BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		24.946.448.159	29.256.606.378
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	8.382.879.765	3.588.980.000
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	3.561.085.475	59.955.378
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	15.853.845.742	26.203.051.023
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(2.851.362.823)	(595.380.023)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		202.172.144	272.632.166
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	202.172.144	272.632.166
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		5.055.480.192	2.558.479.220
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		4.557.300.388	2.141.587.696
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		188.693.057	141.808.792
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		55.700.338	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		79.200.000	79.200.000
20.6	3.6 Chi phí kiểm toán		32.232.866	22.315.100
20.7	3.7 Chi phí hoạt động khác	8	43.353.543	41.567.632
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		19.688.795.823	26.425.494.992
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		19.688.795.823	26.425.494.992
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		22.540.158.646	27.020.875.015
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(2.851.362.823)	(595.380.023)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		19.688.795.823	26.425.494.992



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	83.435.225.386	192.998.679.949
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		10.435.225.386	12.998.679.949
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		73.000.000.000	180.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	435.406.893.175	314.701.912.750
121	2.1 Các khoản đầu tư		435.406.893.175	314.679.232.750
121	2.1.1 Các khoản đầu tư cổ phiếu		350.342.123.600	294.678.770.750
121	2.1.2 Các khoản đầu tư trái phiếu		5.064.769.575	20.000.462.000
121	2.1.3 Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng		80.000.000.000	-
121	2.1.3 Quyền mua chứng khoán		-	22.680.000
130	3. Các khoản phải thu	11	4.559.635.505	2.589.544.201
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		1.831.491.675	968.530.500
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.728.143.830	1.621.013.701
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.728.143.830	1.621.013.701
100	TỔNG TÀI SẢN		523.401.754.066	510.290.136.900
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	12	1.273.221.950	10.155.814.669
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ		182.985.434	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		10.804.361	-
316	4. Chi phí phải trả	13	42.712.357	32.500.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14	982.203.032	331.036.007
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	15	55.277.756	32.059.444
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	16	831.746.693	806.445.383
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		3.378.951.583	11.357.855.503

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

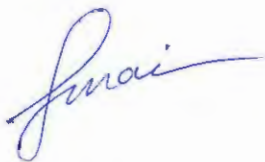
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(Tiếp theo)

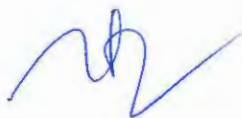
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THẺ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	17	520.022.802.483	498.932.281.397
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		315.637.118.000	314.775.968.600
412	1.1 Vốn góp phát hành		568.708.210.500	518.305.810.500
413	1.2 Vốn góp mua lại		(253.071.092.500)	(203.529.841.900)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		93.871.043.593	93.330.467.730
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	110.514.640.890	90.825.845.067
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		16.475	15.850

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	22	31.563.711,80	31.477.596,86



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

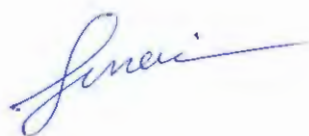


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	498.932.281.397	217.930.649.720
II.	Thay đổi NAV trong kỳ	19.688.795.823	26.425.494.992
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	19.688.795.823	26.425.494.992
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	1.401.725.263	(16.151.760.861)
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	81.782.640.212	81.935.963.840
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	80.380.914.949	98.087.724.701
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)	520.022.802.483	228.204.383.851



Nguyễn Thị Sao Mai
 Người lập



Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

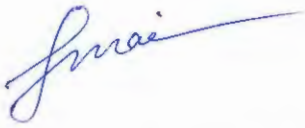
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2026 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết và Upcom				
1	ACB	3.050.000	22.650	69.082.500.000	13,20%
2	BID	135.000	42.400	5.724.000.000	1,09%
3	CTG	555.000	33.950	18.842.250.000	3,60%
4	DPR	400.000	38.800	15.520.000.000	2,97%
5	DXG	480.000	12.650	6.072.000.000	1,16%
6	HPG	710.000	23.300	16.543.000.000	3,16%
7	IJC	1.519.933	9.200	13.983.383.600	2,67%
8	KDH	330.000	21.600	7.128.000.000	1,36%
9	MWG	60.000	78.100	4.686.000.000	0,90%
10	NLG	15.000	26.150	392.250.000	0,07%
11	POW	21.700	14.700	318.990.000	0,06%
12	PVT	860.000	19.850	17.071.000.000	3,26%
13	QNS	365.000	48.900	17.848.500.000	3,41%
14	REE	165.000	49.650	8.192.250.000	1,57%
15	TCB	1.420.000	33.500	47.570.000.000	9,09%
16	TCI	1.725.000	10.700	18.457.500.000	3,53%
17	TPB	1.720.000	16.600	28.552.000.000	5,46%
18	VEA	330.000	35.200	11.616.000.000	2,22%
19	VIB	1.965.000	16.500	32.422.500.000	6,19%
20	VPB	340.000	27.000	9.180.000.000	1,75%
21	VRE	40.000	28.500	1.140.000.000	0,22%
	Tổng	16.206.633		350.342.123.600	66,94%
II	Trái phiếu niêm yết				
1	BAF126003	50	101.153.786,30	5.057.689.315	0,97%
2	DSE125018	69	102.612,46	7.080.260	0,00%
	Tổng	119		5.064.769.575	0,97%
III	Các tài sản khác				
1	Dự thu trái phiếu			242.567.741	0,05%
2	Dự thu cổ tức			789.966.500	0,15%
3	Dự thu lãi tiền gửi			1.695.609.589	0,32%
4	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			80.000.000.000	15,28%
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu			1.831.491.675	0,35%
	Tổng			84.559.635.505	16,15%

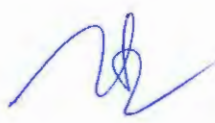
BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026
(tiếp theo)

STT	Loại	Tỷ lệ trên	
		Tổng giá trị	Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
		VND	%
IV	Tiền và tương đương tiền		
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	10.435.225.386	1,99%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	73.000.000.000	13,95%
	Tổng	83.435.225.386	15,94%
V	Tổng giá trị danh mục	523.401.754.066	100,00%



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(257.996.861.725)	(112.870.630.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		139.355.236.497	137.625.764.100
03	3. Cổ tức đã nhận		6.321.800.000	4.788.980.000
04	4. Tiền lãi đã thu		5.716.618.833	63.156.747
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(5.019.966.525)	(2.465.133.581)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(210.182.038)	(289.528.526)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(111.833.354.958)	26.852.608.740
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở		82.433.807.237	83.569.459.420
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở		(80.163.906.842)	(55.207.912.186)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.269.900.395	28.361.547.234
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(109.563.454.563)	55.214.155.974
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	9	192.998.679.949	40.809.222.183
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		192.998.679.949	40.809.222.183
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		182.478.419.829	27.441.739.880
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		180.000.000.000	26.000.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		2.478.419.829	1.441.739.880
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		363.095.451	80.685.943
54	Tiền gửi phong tỏa		10.157.164.669	13.286.796.360

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	9	83.435.225.386	96.023.378.157
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		83.435.225.386	96.023.378.157
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		81.123.922.648	51.842.852.038
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		73.000.000.000	45.000.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		8.123.922.648	6.842.852.038
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		1.037.480.788	44.180.526.119
59	Tiền gửi phong tỏa		1.273.821.950	-
60	VI. CHÉNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		(109.563.454.563)	55.214.155.974



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 317/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2023. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 51.286.679.600 VND, tương đương với 5.128.667,96 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 315.637.118.000 VND, tương đương với 31.563.711,8 Chứng chỉ Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 17 tháng 06 năm 2022.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là tối ưu mức sinh lời trong dài hạn thông qua việc đầu tư linh hoạt, hiệu quả vào các công ty có mô hình kinh doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao cũng như các tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật: phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - (iv) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định pháp luật;
 - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
 - (vi) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm được xếp hạng quy định tại mục iv điểm d thuyết minh này; hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn xếp hạng tín nhiệm quy định tại mục iv điểm d thuyết minh này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán.
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ; Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định như sau (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
- (i) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (ii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - (iii) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định pháp luật;
 - (iv) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
 - (v) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship;
- i) Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một Quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một Quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- l) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại mục a, b, c, d, e, f, i nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Cổ phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ, cụ thể:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	Giá yết (giá sạch) bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá mà không có biến động bất thường (như quy định tại điểm i) mục này) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường theo quy định, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
4.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
5.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày định giá; - Giá mua.
6.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch.	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày định giá; - Giá mua.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Các tài sản khác		
7.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành Chứng chỉ Quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá Chứng chỉ Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng Giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc tại Thuyết minh 2.6.

Giá trị Chứng chỉ Quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,8% một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,8\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

$$\text{Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát} = 0,02\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

$$\text{Giá dịch vụ lưu ký} = 0,05\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị Quỹ = 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng là 12.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, giá dịch vụ thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý Quỹ bao gồm giá dịch vụ quản lý Quỹ, giá dịch vụ quản trị Quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa theo quy định của pháp luật.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được thay thế bởi Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được thay thế bởi Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . CỎ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Cổ tức	7.111.766.500	3.588.980.000
Lãi trái phiếu	1.271.113.265	-
	8.382.879.765	3.588.980.000

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.561.085.475	59.955.378
	3.561.085.475	59.955.378

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026		
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	75.365.978.200	59.506.436.466	15.859.541.734
Trái phiếu niêm yết	64.788.023.869	64.793.719.861	(5.695.992)
	140.154.002.069	124.300.156.327	15.853.845.742

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025		
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	137.625.764.100	111.422.713.077	26.203.051.023
	137.625.764.100	111.422.713.077	26.203.051.023

6 . CHÈNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2026 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2026 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại 30/06/2026 tại (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	328.706.554.721	350.342.123.600	21.635.568.879	24.517.216.563	(2.881.647.684)
Trái phiếu niêm yết	5.008.976.067	5.064.769.575	55.793.508	2.828.647	52.964.861
Quyền mua cổ phiếu	-	-	-	22.680.000	(22.680.000)
	<u>333.715.530.788</u>	<u>355.406.893.175</u>	<u>21.691.362.387</u>	<u>24.542.725.210</u>	<u>(2.851.362.823)</u>
Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại 30/06/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	161.684.019.154	177.253.310.000	15.569.290.846	16.164.670.869	(595.380.023)
	<u>161.684.019.154</u>	<u>177.253.310.000</u>	<u>15.569.290.846</u>	<u>16.164.670.869</u>	<u>(595.380.023)</u>

7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phí giao dịch cổ phiếu	183.347.185	272.632.166
Phí giao dịch trái phiếu	18.824.959	-
	<u>202.172.144</u>	<u>272.632.166</u>

8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phí ngân hàng	1.261.150	608.747
Phí quản lý thường niên	2.479.491	4.958.885
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	39.612.902	36.000.000
	43.353.543	41.567.632

9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	8.123.922.648	2.478.419.829
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	982.203.032	331.036.007
Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	55.277.756	32.059.444
Tiền phong tỏa - Mua chứng khoán	1.273.821.950	10.157.164.669
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	73.000.000.000	180.000.000.000
	83.435.225.386	192.998.679.949

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành với lãi suất 4,75%/năm.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá mua	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026					
Cổ phiếu niêm yết	328.706.554.721	350.342.123.600	28.907.897.357	(7.272.328.478)	350.342.123.600
Trái phiếu niêm yết	5.008.976.067	5.064.769.575	55.793.508	-	5.064.769.575
	333.715.530.788	355.406.893.175	28.963.690.865	(7.272.328.478)	355.406.893.175
	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá mua	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025					
Cổ phiếu niêm yết	270.161.554.187	294.678.770.750	27.226.780.355	(2.709.563.792)	294.678.770.750
Trái phiếu niêm yết	19.997.633.353	20.000.462.000	2.828.647	-	20.000.462.000
Quyền mua cổ phiếu	-	22.680.000	22.680.000	-	22.680.000
	290.159.187.540	314.701.912.750	27.252.289.002	(2.709.563.792)	314.701.912.750

11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Phải thu tiền bán cổ phiếu	1.831.491.675	968.530.500
Dự thu cổ tức	789.966.500	-
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	242.567.741	1.174.643.836
Dự thu lãi tiền gửi	1.695.609.589	446.369.865
	<u>4.559.635.505</u>	<u>2.589.544.201</u>

12 . PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả mua chứng khoán	1.273.221.950	10.155.814.669
	<u>1.273.221.950</u>	<u>10.155.814.669</u>

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	32.232.866	32.500.000
Chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	8.000.000	-
Chi phí quản lý thường niên	2.479.491	-
	<u>42.712.357</u>	<u>32.500.000</u>

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	982.203.032	331.036.007
	<u>982.203.032</u>	<u>331.036.007</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

15 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	55.277.756	32.059.444
	<u>55.277.756</u>	<u>32.059.444</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa đủ thông tin thanh toán hợp lệ.

16 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ	765.871.449	754.954.750
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	26.814.592	25.763.409
Phải trả phí dịch vụ giám sát	9.360.652	9.227.224
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	-
	831.746.693	806.445.383

17 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	Phát sinh trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (Chứng chỉ Quỹ) (*)	21.419.492,68	6.106.264,16	27.525.756,84
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	11.089	13.418	11.605
Giá trị ghi theo mệnh giá	214.194.926.800	61.062.641.600	275.257.568.400
Thặng dư vốn	23.317.848.845	20.873.322.240	44.191.171.085
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	237.512.775.645	81.935.963.840	319.448.739.485
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	4.325.656,61	7.095.435,25	11.421.091,86
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	12.084	13.824	13.165
Giá trị ghi theo mệnh giá	43.256.566.100	70.954.352.500	114.210.918.600
Thặng dư vốn	9.014.397.460	27.133.372.201	36.147.769.661
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	52.270.963.560	98.087.724.701	150.358.688.261
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	17.093.836,07	(989.171,09)	16.104.664,98
Giá trị vốn góp hiện hành	185.241.812.085	(16.151.760.861)	169.090.051.224
Lợi nhuận chưa phân phối	32.688.837.635	26.425.494.992	59.114.332.627
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	217.930.649.720		228.204.383.851
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	12.749		14.170

	<u>31/12/2025</u>	<u>Phát sinh</u> <u>trong kỳ</u>	<u>30/06/2026</u>
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	51.830.581,05	5.040.240,00	56.870.821,05
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	13.497	16.226	13.739
Giá trị ghi theo mệnh giá	518.305.810.500	50.402.400.000	568.708.210.500
Thặng dư vốn	181.256.954.781	31.380.240.212	212.637.194.993
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	699.562.765.281	81.782.640.212	781.345.405.493
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	20.352.984,19	4.954.125,06	25.307.109,25
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	14.320	16.225	14.693
Giá trị ghi theo mệnh giá	203.529.841.900	49.541.250.600	253.071.092.500
Thặng dư vốn	87.926.487.051	30.839.664.349	118.766.151.400
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	291.456.328.951	80.380.914.949	371.837.243.900
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	31.477.596,86	86.114,94	31.563.711,80
Giá trị vốn góp hiện hành	408.106.436.330	1.401.725.263	409.508.161.593
Lợi nhuận chưa phân phối	90.825.845.067	19.688.795.823	110.514.640.890
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	498.932.281.397		520.022.802.483
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	15.850		16.475

18 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	88.823.278.503	66.283.119.857
Lợi nhuận chưa thực hiện	21.691.362.387	24.542.725.210
	110.514.640.890	90.825.845.067

19 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	<u>Từ 01/01/2026</u> <u>đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,06%	2,36%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	28,61%	43,98%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ Quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ Quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số vòng quay tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 kỳ.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong kỳ) / 2 * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu niêm yết và các loại chứng khoán khác của Quỹ là 355.406.893.175 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm 35.540.689.318 VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu và trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 35.540.689.318 VND tương ứng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

21 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2025	217.930.649.720	17.093.836,07	12.749	-
2	02/01/2025	217.920.951.088	17.093.836,07	12.749	-
3	03/01/2025	217.504.132.197	17.086.334,41	12.730	(19)
4	06/01/2025	214.131.823.658	17.067.884,54	12.546	(184)
5	07/01/2025	212.962.000.533	17.078.004,65	12.470	(76)
6	08/01/2025	213.047.865.307	17.075.272,74	12.477	7
7	09/01/2025	214.187.952.443	17.074.576,56	12.544	67
8	10/01/2025	213.920.337.083	17.077.341,50	12.527	(17)
9	13/01/2025	211.392.476.934	17.071.044,24	12.383	(144)
10	14/01/2025	212.488.535.838	17.074.724,96	12.445	62
11	15/01/2025	211.977.431.267	17.083.240,56	12.409	(36)
12	16/01/2025	213.115.302.897	17.088.998,89	12.471	62
13	17/01/2025	213.814.558.506	17.090.866,15	12.510	39
14	20/01/2025	215.500.376.129	17.091.539,54	12.609	99
15	21/01/2025	215.655.585.256	17.085.720,62	12.622	13
16	22/01/2025	214.806.390.869	17.072.031,13	12.582	(40)
17	23/01/2025	214.258.667.115	17.067.451,32	12.554	(28)
18	24/01/2025	217.559.673.572	17.074.752,93	12.742	188
19	28/01/2025	217.829.216.806	17.080.075,89	12.753	11
20	01/02/2025	217.778.074.620	17.080.075,89	12.750	(3)
21	03/02/2025	217.753.011.083	17.080.075,89	12.749	(1)
22	04/02/2025	216.117.587.484	17.077.847,27	12.655	(94)
23	05/02/2025	218.324.154.179	17.079.697,19	12.783	128
24	06/02/2025	218.604.121.746	17.036.853,38	12.831	48
25	07/02/2025	220.251.227.199	17.074.548,91	12.899	68
26	10/02/2025	221.330.715.403	17.067.348,60	12.968	69
27	11/02/2025	220.957.665.544	17.073.119,92	12.942	(26)
28	12/02/2025	221.650.019.682	17.065.632,43	12.988	46
29	13/02/2025	221.117.790.230	17.055.824,73	12.964	(24)
30	14/02/2025	222.867.831.947	17.064.640,05	13.060	96
31	17/02/2025	225.574.328.836	17.236.899,29	13.087	27
32	18/02/2025	225.151.252.840	17.254.125,34	13.049	(38)
33	19/02/2025	222.899.973.176	17.014.674,23	13.100	51
34	20/02/2025	224.454.759.125	17.036.274,75	13.175	75
35	21/02/2025	225.355.604.092	17.033.647,33	13.230	55
36	24/02/2025	226.333.859.947	17.058.102,36	13.268	38
37	25/02/2025	227.878.183.863	17.089.554,84	13.334	66
38	26/02/2025	228.409.030.267	17.181.808,31	13.294	(40)
39	27/02/2025	227.420.143.327	17.169.670,89	13.245	(49)
40	28/02/2025	228.478.844.120	17.203.304,05	13.281	36

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ		VND
41	01/03/2025	229.116.495.697	17.270.306,40	13.266	(15)
42	03/03/2025	229.090.694.097	17.270.306,40	13.265	(1)
43	04/03/2025	230.052.697.079	17.298.229,65	13.299	34
44	05/03/2025	233.251.309.330	17.373.672,72	13.426	161
45	06/03/2025	233.077.778.767	17.479.294,12	13.335	(91)
46	07/03/2025	235.541.398.496	17.504.897,24	13.456	121
47	10/03/2025	237.568.328.055	17.595.348,57	13.502	46
48	11/03/2025	239.082.420.407	17.656.989,75	13.540	38
49	12/03/2025	240.861.518.922	17.738.460,86	13.578	38
50	13/03/2025	240.513.979.602	17.789.718,45	13.520	(58)
51	14/03/2025	238.918.769.775	17.831.077,32	13.399	(121)
52	17/03/2025	238.842.831.612	17.880.902,51	13.357	(42)
53	18/03/2025	240.369.626.210	17.905.180,54	13.425	68
54	19/03/2025	240.008.235.865	17.965.485,48	13.359	(66)
55	20/03/2025	239.159.234.060	17.961.410,80	13.315	(44)
56	21/03/2025	239.969.242.391	18.022.645,49	13.315	-
57	24/03/2025	239.446.935.808	18.026.349,32	13.283	(32)
58	25/03/2025	241.301.458.232	18.052.897,13	13.366	83
59	26/03/2025	251.496.780.560	18.763.018,25	13.404	38
60	27/03/2025	251.210.950.684	18.766.161,31	13.386	(18)
61	28/03/2025	250.212.605.232	18.802.625,70	13.307	(79)
62	31/03/2025	248.683.498.444	18.824.169,34	13.211	(96)
63	01/04/2025	248.676.436.964	18.841.517,52	13.198	(13)
64	02/04/2025	251.025.324.805	18.838.457,01	13.325	127
65	03/04/2025	251.332.062.592	18.880.883,29	13.311	(14)
66	04/04/2025	235.865.204.992	18.936.985,16	12.455	(856)
67	08/04/2025	234.140.504.920	18.974.146,16	12.340	(115)
68	09/04/2025	220.270.251.185	18.962.150,14	11.616	(724)
69	10/04/2025	214.099.651.642	18.947.739,32	11.299	(317)
70	11/04/2025	228.871.902.338	18.924.872,83	12.094	795
71	14/04/2025	239.675.023.837	19.026.622,71	12.597	503
72	15/04/2025	243.228.011.151	19.186.119,67	12.677	80
73	16/04/2025	239.635.587.695	19.200.140,57	12.481	(196)
74	17/04/2025	238.002.841.035	19.204.720,42	12.393	(88)
75	18/04/2025	238.922.593.761	19.210.917,90	12.437	44
76	21/04/2025	240.473.414.333	19.212.250,57	12.517	80
77	22/04/2025	238.833.675.423	19.206.246,14	12.435	(82)
78	23/04/2025	236.597.775.133	19.214.757,19	12.313	(122)
79	24/04/2025	241.221.478.023	19.188.715,33	12.571	258
80	25/04/2025	241.988.616.448	19.186.470,68	12.612	41
81	28/04/2025	241.626.951.715	19.202.419,46	12.583	(29)
82	29/04/2025	241.356.115.660	19.205.183,96	12.567	(16)
83	01/05/2025	243.021.623.760	19.214.127,04	12.648	81
84	05/05/2025	242.965.831.503	19.214.127,04	12.645	(3)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ	
		VND	CCQ	VND	CCQ	VND	CCQ
85	06/05/2025	245.166.510.265	19.214.451,93	12.759		114	
86	07/05/2025	245.916.092.236	19.222.928,95	12.793		34	
87	08/05/2025	246.408.918.433	19.224.525,07	12.817		24	
88	09/05/2025	249.314.915.263	19.224.737,42	12.968		151	
89	12/05/2025	249.820.197.350	19.233.717,22	12.989		21	
90	13/05/2025	255.543.448.520	19.326.165,11	13.223		234	
91	14/05/2025	257.531.491.535	19.324.645,64	13.327		104	
92	15/05/2025	259.825.837.747	19.330.100,02	13.442		115	
93	16/05/2025	260.754.999.211	19.333.927,02	13.487		45	
94	19/05/2025	258.488.209.210	19.326.726,02	13.375		(112)	
95	20/05/2025	257.987.607.791	19.331.025,50	13.346		(29)	
96	21/05/2025	262.343.648.494	19.349.380,60	13.558		212	
97	22/05/2025	263.776.117.339	19.349.314,61	13.632		74	
98	23/05/2025	261.653.552.376	19.344.937,35	13.526		(106)	
99	26/05/2025	262.156.161.401	19.369.424,98	13.535		9	
100	27/05/2025	265.201.013.133	19.434.857,43	13.646		111	
101	28/05/2025	266.918.181.664	19.464.956,57	13.713		67	
102	29/05/2025	267.747.685.294	19.487.320,69	13.740		27	
103	30/05/2025	268.823.368.051	19.486.649,80	13.795		55	
104	01/06/2025	267.081.225.449	19.504.228,33	13.694		(101)	
105	02/06/2025	267.066.030.341	19.504.228,33	13.693		(1)	
106	03/06/2025	268.031.201.373	19.510.718,31	13.738		45	
107	04/06/2025	270.892.896.599	19.572.728,11	13.840		102	
108	05/06/2025	273.020.322.972	19.748.369,84	13.825		(15)	
109	06/06/2025	272.596.687.163	19.764.430,96	13.792		(33)	
110	09/06/2025	271.135.700.663	19.802.678,06	13.692		(100)	
111	10/06/2025	269.332.133.372	19.855.875,53	13.564		(128)	
112	11/06/2025	270.629.207.731	19.849.826,80	13.634		70	
113	12/06/2025	272.483.595.027	19.999.701,57	13.624		(10)	
114	13/06/2025	275.834.323.718	20.059.508,35	13.751		127	
115	16/06/2025	276.466.951.813	20.070.562,64	13.775		24	
116	17/06/2025	278.662.572.201	19.850.318,44	14.038		263	
117	18/06/2025	278.700.866.690	19.888.649,91	14.013		(25)	
118	19/06/2025	278.930.344.964	19.868.353,62	14.039		26	
119	20/06/2025	280.526.022.080	19.857.316,94	14.127		88	
120	23/06/2025	280.883.910.408	19.875.835,79	14.132		5	
121	24/06/2025	260.444.827.436	18.398.127,30	14.156		24	
122	25/06/2025	260.576.353.626	18.431.091,29	14.138		(18)	
123	26/06/2025	238.562.796.275	16.924.591,32	14.096		(42)	
124	27/06/2025	242.949.439.306	17.211.316,81	14.116		20	
125	30/06/2025	226.881.393.621	16.054.812,86	14.132		16	
126	01/07/2025	228.204.383.851	16.104.664,98	14.170		38	

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 239.909.247.971

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- *Mức thấp nhất trong kỳ* -
- *Mức cao nhất trong kỳ* 856

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	05/01/2026	498.934.830.925	31.477.596,86	15.850	
2	06/01/2026	497.393.311.021	31.438.464,21	15.821	(29)
3	07/01/2026	499.210.521.828	31.318.599,42	15.940	119
4	08/01/2026	506.497.480.323	31.302.225,92	16.181	241
5	09/01/2026	502.588.943.630	31.063.921,99	16.179	(2)
6	12/01/2026	505.536.174.357	31.090.727,81	16.260	81
7	13/01/2026	512.397.792.186	31.056.845,83	16.499	239
8	14/01/2026	512.693.015.698	31.093.767,21	16.489	(10)
9	15/01/2026	511.611.831.635	31.115.800,72	16.442	(47)
10	16/01/2026	511.640.148.996	31.058.545,11	16.473	31
11	19/01/2026	510.550.404.818	31.060.471,75	16.437	(36)
12	20/01/2026	512.286.773.894	31.102.529,75	16.471	34
13	21/01/2026	510.448.183.357	31.131.910,99	16.396	(75)
14	22/01/2026	508.322.282.031	31.107.006,51	16.341	(55)
15	23/01/2026	508.464.137.367	31.005.974,93	16.399	58
16	26/01/2026	506.652.505.368	31.008.582,06	16.339	(60)
17	27/01/2026	503.663.882.022	31.007.690,37	16.243	(96)
18	28/01/2026	501.919.786.116	30.956.908,63	16.213	(30)
19	29/01/2026	500.795.780.939	31.010.396,83	16.149	(64)
20	30/01/2026	499.159.366.694	30.971.144,74	16.117	(32)
21	01/02/2026	503.747.039.214	30.982.153,67	16.259	142
22	02/02/2026	503.746.033.744	30.982.153,67	16.259	-
23	03/02/2026	503.910.607.740	31.084.275,46	16.211	(48)
24	04/02/2026	505.950.227.271	31.098.210,53	16.269	58
25	05/02/2026	507.844.623.070	31.144.417,59	16.306	37
26	06/02/2026	502.946.151.606	31.112.085,83	16.166	(140)
27	09/02/2026	496.496.967.640	31.107.333,61	15.961	(205)
28	10/02/2026	497.097.200.130	31.137.258,53	15.965	4
29	11/02/2026	496.382.097.562	31.218.518,98	15.900	(65)
30	12/02/2026	502.877.716.405	31.241.472,31	16.096	196
31	13/02/2026	504.385.978.906	31.271.473,89	16.129	33
32	17/02/2026	505.768.286.964	31.312.247,03	16.152	23
33	23/02/2026	505.792.670.891	31.312.247,03	16.153	1
34	24/02/2026	510.426.739.886	31.329.481,98	16.292	139
35	25/02/2026	512.458.638.501	31.380.731,37	16.330	38
36	26/02/2026	516.026.529.397	31.398.562,70	16.435	105
37	27/02/2026	518.076.140.493	31.430.114,74	16.483	48
38	01/03/2026	517.849.152.584	31.331.713,81	16.528	45

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND	
39	02/03/2026	517.850.125.597	31.331.713,81	16.528	-	
40	03/03/2026	511.936.132.515	31.203.035,18	16.407	(121)	
41	04/03/2026	510.863.045.677	31.226.217,35	16.360	(47)	
42	05/03/2026	509.131.376.513	31.165.699,03	16.336	(24)	
43	06/03/2026	508.057.642.086	31.176.048,93	16.296	(40)	
44	11/03/2026	499.122.642.313	31.396.226,91	15.898	(398)	
45	12/03/2026	507.043.220.816	31.412.376,65	16.142	244	
46	13/03/2026	502.959.840.687	31.480.039,08	15.977	(165)	
47	16/03/2026	503.817.176.161	31.530.342,20	15.979	2	
48	17/03/2026	504.696.737.819	31.606.836,09	15.968	(11)	
49	18/03/2026	505.638.026.892	31.636.377,26	15.983	15	
50	19/03/2026	506.977.501.857	31.600.060,33	16.044	61	
51	20/03/2026	504.285.353.891	31.609.871,17	15.953	(91)	
52	23/03/2026	499.832.377.334	31.668.032,30	15.783	(170)	
53	24/03/2026	490.635.152.953	31.669.167,18	15.493	(290)	
54	25/03/2026	498.055.092.038	31.643.227,47	15.740	247	
55	26/03/2026	506.616.232.615	31.637.663,68	16.013	273	
56	27/03/2026	503.978.245.311	31.657.986,87	15.919	(94)	
57	30/03/2026	509.278.136.048	31.706.039,88	16.062	143	
58	31/03/2026	506.342.349.161	31.676.562,30	15.985	(77)	
59	01/04/2026	506.809.441.436	31.644.959,49	16.015	30	
60	02/04/2026	508.614.831.452	31.643.651,49	16.073	58	
61	03/04/2026	505.370.793.041	31.655.244,64	15.965	(108)	
62	06/04/2026	502.451.794.177	31.662.943,66	15.869	(96)	
63	07/04/2026	500.389.262.064	31.664.271,16	15.803	(66)	
64	08/04/2026	500.444.855.096	31.666.374,67	15.804	1	
65	09/04/2026	514.789.750.582	31.692.690,40	16.243	439	
66	10/04/2026	513.462.351.835	31.707.194,54	16.194	(49)	
67	13/04/2026	516.824.963.611	31.747.832,78	16.279	85	
68	14/04/2026	516.573.837.717	31.729.491,04	16.281	2	
69	15/04/2026	517.236.555.889	31.713.709,89	16.310	29	
70	16/04/2026	513.780.982.474	31.656.547,14	16.230	(80)	
71	17/04/2026	513.119.558.023	31.730.306,04	16.171	(59)	
72	20/04/2026	515.222.841.052	31.729.994,48	16.238	67	
73	21/04/2026	516.837.758.547	31.712.298,40	16.298	60	
74	22/04/2026	516.116.007.913	31.746.019,80	16.258	(40)	
75	23/04/2026	516.192.972.156	31.754.854,57	16.256	(2)	
76	24/04/2026	515.687.427.890	31.706.568,33	16.264	8	
77	28/04/2026	516.724.127.467	31.717.071,24	16.292	28	
78	29/04/2026	515.523.194.879	31.719.057,52	16.253	(39)	
79	01/05/2026	515.329.197.985	31.726.644,38	16.243	(10)	
80	04/05/2026	515.333.924.800	31.726.644,38	16.243	-	
81	05/05/2026	515.315.506.696	31.724.885,52	16.243	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
82	06/05/2026	513.098.226.635	31.697.828,23	16.187	(56)
83	07/05/2026	516.883.293.445	31.659.126,12	16.327	140
84	08/05/2026	515.108.064.441	31.672.159,67	16.264	(63)
85	11/05/2026	514.776.980.485	31.671.813,75	16.253	(11)
86	12/05/2026	513.790.556.434	31.657.622,68	16.230	(23)
87	13/05/2026	514.502.479.129	31.670.973,91	16.245	15
88	14/05/2026	514.721.424.639	31.668.047,10	16.254	9
89	15/05/2026	518.289.432.758	31.744.516,80	16.327	73
90	18/05/2026	519.948.328.372	31.747.318,91	16.378	51
91	19/05/2026	519.157.311.599	31.729.964,06	16.362	108
92	20/05/2026	514.263.848.241	31.765.245,34	16.190	(172)
93	21/05/2026	512.909.133.740	31.755.120,73	16.152	(38)
94	22/05/2026	512.369.145.672	31.739.785,74	16.143	(9)
95	25/05/2026	512.322.676.877	31.753.334,52	16.134	(9)
96	26/05/2026	515.151.088.835	31.772.150,01	16.214	80
97	27/05/2026	520.514.316.128	31.669.096,48	16.436	222
98	28/05/2026	523.916.785.116	31.655.117,16	16.551	115
99	29/05/2026	518.062.138.049	31.650.348,82	16.368	(183)
100	01/06/2026	515.579.947.863	31.507.248,59	16.364	(4)
101	02/06/2026	513.829.236.398	31.445.825,88	16.340	(24)
102	03/06/2026	510.983.133.680	31.437.239,11	16.254	(86)
103	04/06/2026	515.792.559.331	31.434.562,80	16.408	154
104	05/06/2026	517.544.261.006	31.423.115,79	16.470	62
105	08/06/2026	520.790.913.111	31.667.161,31	16.446	(24)
106	09/06/2026	513.983.612.746	31.671.803,44	16.228	(218)
107	10/06/2026	519.147.929.869	31.677.057,17	16.389	161
108	11/06/2026	518.957.558.997	31.647.286,13	16.398	9
109	12/06/2026	518.955.458.916	31.656.565,43	16.393	(5)
110	15/06/2026	519.930.393.190	31.656.373,34	16.424	31
111	16/06/2026	521.608.540.699	31.626.948,28	16.493	69
112	17/06/2026	518.338.104.842	31.600.620,22	16.403	(90)
113	18/06/2026	517.619.807.513	31.612.099,42	16.374	(29)
114	19/06/2026	517.266.558.153	31.600.697,44	16.369	(5)
115	22/06/2026	515.098.124.008	31.610.391,05	16.295	(74)
116	23/06/2026	514.722.591.066	31.610.948,58	16.283	(12)
117	24/06/2026	515.540.362.564	31.606.525,17	16.311	28
118	25/06/2026	516.211.245.891	31.610.615,29	16.330	19
119	26/06/2026	516.314.467.351	31.609.908,84	16.334	4
120	29/06/2026	517.801.259.699	31.620.827,94	16.375	41
121	30/06/2026	521.006.330.748	31.608.241,17	16.483	108
122	01/07/2026	520.022.802.483	31.563.711,80	16.475	(8)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

510.508.061.934

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- Mức thấp nhất trong kỳ

-

- Mức cao nhất trong kỳ

646

22 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	CCQ	CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	31.563.711,80	31.477.596,86

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại Diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2026</u> <u>đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u>
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	4.940.638.704	2.437.976.003
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	4.557.300.388	2.141.587.696
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	343.393.395	273.808.792
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	39.944.921	22.579.515
Phí ngân hàng	1.261.150	608.747
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.261.150	608.747
Lãi tiền gửi	1.010.866.297	21.427.981
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.010.866.297	21.427.981

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	51.143.835	253.116.439
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	51.143.835	253.116.439
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	765.871.449	754.954.750
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	765.871.449	754.954.750
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	52.675.244	51.490.633
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	52.675.244	51.490.633
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi phong tỏa	9.397.744.598	12.635.584.498
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	9.397.744.598	12.635.584.498
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	1.037.480.788	363.095.451
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.037.480.788	363.095.451
Tiền gửi có kỳ hạn	73.000.000.000	75.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	73.000.000.000	75.000.000.000
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ		
	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ	39.612.902	36.000.000

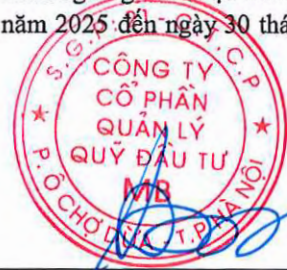
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ đầu tư.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.


Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập


Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

Tel: (84.24)3824 1990 | Fax: (84.24)3825 3973

Email: aasc@aasc.com.vn

Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam.

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Tel: (84.28) 3945 0505 /0606 | Fax: (84.28)3945 1106

Email: aaschcm@aasc.com.vn

Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

AASC TẠI QUẢNG NINH

Tel: (84.2033) 627 571 | Fax: (84.2033)627 572

Email: aascqn@aasc.com.vn

Số 8 Chu Văn An, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.